TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Hiếu

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Trang Mỹ D**, sinh năm: 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 66/3G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Xuân H**, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 4, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2021, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H qua thời gian quen biết khoảng 07 năm thì hai anh chị đã đi đăng kí kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 20/5/2013.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, khoảng 3 năm gần đây là hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H hay nhậu nhẹt, say xỉn, có những lời lẽ xúc phạm chị D và gia đình chị D. Những lúc lên cơn say là anh H còn đánh chị D nhưng chị D không trình báo đến chính quyền địa phương. Ngoài ra, hai vợ chồng hay cãi nhau về vấn đề kinh tế. Anh H có công việc không ổn định, ít quan tâm chăm sóc đến chị D và các con. Hai

vợ chồng có ngồi nói chuyện với nhau nhưng anh H không chịu thay đổi bản thân. Do tính cách không hòa hợp được và không chịu nổi anh H nữa nên chị D đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5 năm 2020. Từ khi ly thân đến nay, anh H cũng không quan tâm hỏi han đến chị D và hai con mà còn đến nhà chị D chửi bới, xúc phạm chị D. Nhận thấy hai vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Lê Hồng P, sinh ngày 22/02/2015.

+ Cháu Lê Xuân L, sinh ngày 27/8/2017.

Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Phúc và Lộc. Chị D không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Phúc và cháu Lộc đang ở cùng với chị D tại 66/3G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay chị D làm công nhân, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng một tháng.

- **Về tài sản chung**: Chị D và anh H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Chị D và anh H không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê Xuân H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D quen biết nhau khoảng 7 đến 8 năm thì đi đến kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 20/5/2013.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, ngoài ra còn có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Hai vợ chồng tính đều ngang, đôi khi nóng tính lên là có những lời lẽ xúc phạm nhau, không ai chịu nhường ai. Thỉnh thoảng khi cãi nhau do nóng tính nên anh cũng có lúc lớn tiếng, đập phá đồ đạc. Hiện nay thì hai vợ chồng anh chị đang sống ly thân, chị D cùng hai con đã về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay con anh vẫn sống tại nhà của hai vợ chồng. Nhiều lần hai vợ chồng đã cố gắng cùng nhau hàn gắn, ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng chị D không đồng ý muốn đoàn tụ gia đình. Hiện nay, anh vẫn còn tình cảm với chị D và yêu thương con, anh mong muốn được hòa giải đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Vì vậy, Chị D làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh anh không đồng ý do anh theo Đạo Công giáo nên không được phép kí vào hồ sơ ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng tôi chung sống có hai con chung:

+ Cháu Lê Hồng P, sinh ngày 22/02/2015.

+ Cháu Lê Xuân L, sinh ngày 27/8/2017.

Nếu trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao hai cháu P và L cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tùy theo khả năng của mình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D được ly hôn với anh Lê Xuân H.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Hồng P, sinh ngày: 22/02/2015 và cháu Lê Xuân L, sinh ngày 27/8/2017 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Lê Xuân H hiện đang cư trú tại đội 4, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội D:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D và anh Lê Xuân H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày

20/5/2013. Cứ vào các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị D và anh H là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H nhận thấy: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh khoảng khoảng hơn 03 năm nay, nguyên nhân là do anh H và chị D tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn thậm chí còn đánh đập và dùng lời lẽ không hay xúc phạm danh dự nhau. Ngoài ra hai vợ chồng còn có mâu thuẫn với nhau về vấn đề kinh tế. Khoảng tháng 05/2020 do mâu thuẫn trầm trọng hai vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn.

Vì anh H là người theo đạo công giáo không thể ký vào biên bản giải quyết vụ án nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy, ngày 21/12/2021 anh H có đơn xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D và anh Lê Xuân H chung sống có hai con chung là cháu Lê Hồng P, sinh ngày 22/02/2015 và cháu Lê Xuân L, sinh ngày 27/8/2017. Giao 02 con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D và anh Lê Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D và anh Lê Xuân H được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu cháu Lê Hồng P, sinh ngày 22/02/2015 và cháu Lê Xuân L, sinh ngày 27/8/2017 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Trang Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003252 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã G (số ĐKKH 77 ngày 20/5/2013);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Trọng Hiểu Nguyễn Thị Kim Loan Phan Ngọc Thành